

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Minh Tân

Bà Đinh Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 332/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: thôn C, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; hiện cư trú: Số A Đường số A, khu phố C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan T, sinh ngày 1971, nơi cư trú: Đ, thôn G, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung đề ngày 20/5/2024, 20/6/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan T đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và chung sống hạnh phúc. Đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Hàng ngày, sau giờ làm ông T thường xuyên ăn nhậu, về nhà quậy phá, hành hung vợ, con, bà đã cố gắng nhịn nhục,

khuyến giải để cùng chồng nuôi con nhưng ông T không thay đổi, mà bỏ về quê. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi cho bà được ly hôn ông Phan T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là anh Phan Hoàng P, sinh ngày 20/12/1997 và anh Phan Hoàng P1, sinh ngày 01/6/2001. Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Lê T1 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt nhưng ông T1 không đến Tòa án, sau khi đưa vụ án ra xét xử ông Phan T có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt và trình bày ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị L, về con chung, về tài sản chung, nợ chung ông thống nhất như bà L trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Phan T; về con chung: Có 02 con chung là anh Phan Hoàng P, sinh ngày 20/12/1997 và anh Phan Hoàng P1, sinh ngày 01/6/2001, các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Phan T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Phan T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01, ngày 10/7/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phan T là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị L trình bày vợ chồng hiện nay không còn tình cảm và cả hai đã sống ly thân với nhau, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan T, ông T cũng đồng ý. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và cho bà L ly hôn với ông T

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là anh Phan Hoàng P, sinh ngày 20/12/1997 và anh Phan Hoàng P1, sinh ngày 01/6/2001. Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phan T đều trình bày không có.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung là phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận được khởi kiện của bà Nguyễn Thị L

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Phan T

- Về con chung: Có 02 con chung là anh Phan Hoàng P, sinh ngày 20/12/1997 và anh Phan Hoàng P1, sinh ngày 01/6/2001. Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Phan T đều trình bày không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án trực tuyến số 000001462581 ngày 10/7/2024 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003445 ngày 12/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã T, h. S,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Như